

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 12 năm 2011.

Trụ sở được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty có đầu tư vào 6 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thi	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Trường	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Văn Lộc	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Đức	Thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Ngô Văn Lộc	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012



NGÔ VĂN LỘC

Số: 12.112/BCKTHN-2011.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 25 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 34 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012



TĂNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		280.119.179.926	296.738.674.698
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.541.499.336	32.668.833.687
1. Tiền	111		1.418.409.037	6.011.693.883
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.123.090.299	26.657.139.804
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	18.510.000.000	25.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.510.000.000	25.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	57.814.263.638	83.474.182.613
1. Phải thu khách hàng	131		46.991.630.742	79.357.295.047
2. Trả trước cho người bán	132		8.223.414.300	4.213.672.691
3. Phải thu nội bộ	133		20.091.756	20.091.756
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		4.843.720.346	2.147.716.625
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.264.593.506)	(2.264.593.506)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	166.288.055.388	153.852.207.082
1. Hàng tồn kho	141		166.288.055.388	157.691.323.117
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.839.116.035)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.965.361.564	1.743.451.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	652.587.014	428.544.170
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.044.173.894	520.453.293
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		7.649.562	33.841.853
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	260.951.094	760.612.000

(Phần tiếp theo ở trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.246.190.458	134.424.939.932
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.902.696.926	20.692.911.938
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	19.833.946.933	20.570.477.848
+ Nguyên giá	222		26.410.945.272	26.586.734.615
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.576.998.339)	(6.016.256.767)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	68.749.993	39.125.000
+ Nguyên giá	228		325.821.000	270.821.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(257.071.007)	(231.696.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	83.309.090
III. Bất động sản đầu tư	240	5.9	22.015.071.574	32.527.495.163
+ Nguyên giá	241		42.523.426.468	54.483.792.858
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(20.508.354.894)	(21.956.297.695)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	68.630.702.488	78.216.374.028
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		84.574.289.154	90.057.840.694
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(15.943.586.666)	(11.841.466.666)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.697.719.469	2.988.158.803
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	2.261.244.712	1.627.739.842
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	6.10	1.436.474.757	1.360.418.961
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		394.365.370.384	431.163.614.630

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		103.437.736.189	124.980.310.376
I. Nợ ngắn hạn	310		100.074.405.960	110.898.367.546
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	1.500.000.000	10.500.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.13	2.842.391.041	864.015.619
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	1.697.052.258	13.900.971.384
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.983.817.017	12.102.976.817
5. Phải trả người lao động	315		112.812.854	-
6. Chi phí phải trả	316		69.750.000	3.039.255.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	83.887.412.757	62.764.559.832
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	7.981.170.033	7.726.588.894
II. Nợ dài hạn	330		3.363.330.229	14.081.942.830
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	3.228.451.308	3.812.998.140
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		43.690.284	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		91.188.637	10.268.944.690
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	278.568.156.555	294.397.256.624
I. Vốn chủ sở hữu	410		278.568.156.555	294.397.256.624
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	95.682.643.118
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(9.603.086.062)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.304.200.919	12.702.262.153
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.188.308.768	14.655.655.264
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		14.792.999.812	30.153.606.089
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG THIỂU SỐ	439	5.19	12.359.477.639	11.786.047.630
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		394.365.370.384	431.163.614.630

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		133.617.133	73.070.133
4. Nợ khó đòi đã xử lý		629.702.728	629.702.728
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		71.303,55	70.378,20
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		123.652.551.264	130.558.217.571
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20.420.006.416	1.187.105.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	103.232.544.848	129.371.112.571
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	69.814.033.934	61.451.495.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.418.510.914	67.919.616.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.209.065.323	10.479.076.522
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.312.931.049	6.858.243.257
trong đó, chi phí lãi vay	23		166.290.275	204.705.711
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	1.398.431.869	765.380.304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	12.179.786.474	10.610.632.015
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.736.426.845	60.164.437.794
11. Thu nhập khác	31	6.7	11.489.462.286	6.818.148.564
12. Chi phí khác	32	6.8	4.318.279.009	5.350.344.840
13. Lợi nhuận khác	40		7.171.183.277	1.467.803.724
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		31.907.610.122	61.632.241.518
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	6.700.634.930	16.179.207.680
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.10	(76.055.796)	(193.634.479)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		25.283.030.989	45.646.668.317
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		547.130.963	320.133.270
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		24.735.900.026	45.326.535.047
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.18	1.816	3.210

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGO VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng cung cấp DV & doanh thu khác	01		155.324.734.719	104.537.925.688
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa DV	02		(59.611.920.763)	(78.441.914.433)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.725.324.685)	(12.155.897.378)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(135.399.831)	(187.011.266)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(14.327.931.329)	(14.714.861.236)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.877.295.091	32.780.814.476
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38.082.555.436)	(37.233.649.604)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		41.318.897.766	(5.414.593.753)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(345.794.627)	(879.992.484)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		254.534.500	11.832.745.649
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.000.000.000)	(76.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.403.509.528	97.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.210.380.200)	(67.574.017.564)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.400.073.000
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.693.607.878	9.283.549.904
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.204.522.921)	(24.437.641.495)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.440.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(9.603.086.062)	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		28.900.000.000	23.292.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.900.000.000)	(22.499.470.379)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.746.851.285)	(31.064.679.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37.349.937.347)	(22.832.150.179)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.764.437.498	(52.684.385.427)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.668.833.687	85.317.739.251
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		108.228.151	35.479.863
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		34.541.499.336	32.668.833.687

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 12 năm 2011.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Bất động sản

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.4. Danh sách các công ty con trực tiếp được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội	360A Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
3.	Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	360D Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	55%	55%
4.	Công ty TNHH DV Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	56 Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	51%	51%
5.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	360B Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
6.	Công ty CP Dịch vụ Thương Mại Khánh Hội	72 – 74 Nguyễn Tất Thành, P12, Quận 4, Tp. HCM	55%	55%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

▪ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
+ Máy móc và thiết bị	07 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định khác	03 năm
+ Phần mềm máy vi tính	05 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà	48 năm
+ Nhà và quyền sử dụng đất	02 - 50 năm
+ Quyền sử dụng đất	40 - 50 năm

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong năm. Phần công việc hoàn thành được xác định theo tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

4.13. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	321.951.359	809.243.629
Tiền gửi ngân hàng	1.096.457.678	5.202.450.254
Các khoản tương đương tiền	33.123.090.299	26.657.139.804
Tổng cộng	34.541.499.336	32.668.833.687

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	11.510.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	7.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	18.510.000.000	25.000.000.000

Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thêm mục 5.12).

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	46.991.630.742	79.357.295.047
Trả trước cho người bán	8.223.414.300	4.213.672.691
Phải thu nội bộ ngắn hạn	20.091.756	20.091.756
Các khoản phải thu khác	4.843.720.346	2.147.716.625
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	60.078.857.144	85.738.776.119
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.264.593.506)	(2.264.593.506)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	57.814.263.638	83.474.182.613

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư KH2	2.075.455.342	9.729.650.305
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư KH3	4.507.149.876	37.259.685.205
Phải thu hoạt động cho thuê mặt bằng + điện nước chi hộ	6.462.869.948	8.288.988.944
Phải thu hoạt động bán văn phòng	21.257.505.189	20.716.408.122
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn	9.000.000.000	-
Phải thu hoạt động kinh doanh dịch vụ	1.600.299.431	274.564.418
Phải thu khác	2.088.350.956	3.087.998.053
Tổng cộng	46.991.630.742	79.357.295.047

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu cổ tức từ đầu tư dài hạn	-	78.495.215
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	241.960.897	772.746.158
Phải thu tiền phí sử dụng vốn đầu tư	1.843.582.453	149.466.227
Phải thu cho vay	537.625.000	-
Phải thu khác	2.220.551.996	1.147.009.025
Tổng cộng	4.843.720.346	2.147.716.625

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	160.092.063.735	146.836.933.361
Thành phẩm	422.696.075	422.696.074
Hàng hóa	862.739.602	7.435.495.682
Hàng hóa bất động sản	4.910.555.976	2.996.198.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	166.288.055.388	157.691.323.117
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.839.116.035)
Giá trị thuần có thể thực hiện	166.288.055.388	153.852.207.082

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 3.839.116.035 đồng do Công ty đã bán hàng gỗ của Xí nghiệp Lâm Sản Khánh Hội cho Cty TNHH DVTM XNK Hồng Nghi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	428.544.170	305.571.232
Tăng trong năm	1.884.527.930	964.324.316
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(1.660.485.086)	(841.351.378)
Số dư cuối năm	652.587.014	428.544.170

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	260.451.094	760.612.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000	-
Tổng cộng	260.951.094	760.612.000

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	20.188.516.942	1.730.277.749	2.570.098.140	1.264.111.678	833.730.106	26.586.734.615
Mua trong năm	169.112.092	61.890.909	25.200.000	371.486.552	13.160.000	640.849.553
Đầu tư XDCB hoàn thành	574.431.740	-	-	-	-	574.431.740
Thanh lý, nhượng bán	-	(692.689.601)	(188.447.537)	(109.838.298)	(110.095.200)	(1.101.070.636)
Góp vốn	-	-	-	-	(290.000.000)	(290.000.000)
Số dư cuối năm	20.932.060.774	1.099.479.057	2.406.850.603	1.525.759.932	446.794.906	26.410.945.272
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.141.198.572	1.374.425.198	596.793.223	408.257.784	495.581.990	6.016.256.767
Khấu hao trong năm	655.777.051	111.702.865	280.806.252	406.034.129	20.934.656	1.475.254.953
Thanh lý, nhượng bán	-	(542.327.238)	(166.225.321)	(96.274.230)	(100.019.926)	(904.846.715)
Góp vốn	-	-	-	-	(9.666.666)	(9.666.666)
Số dư cuối năm	3.796.975.623	943.800.825	711.374.154	718.017.683	406.830.054	6.576.998.339
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17.047.318.370	355.852.551	1.973.304.917	855.853.894	338.148.116	20.570.477.848
Tại ngày cuối năm	17.135.085.151	155.678.232	1.695.476.449	807.742.249	39.964.852	19.833.946.933

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.109.920.442 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	270.821.000
Mua trong năm	55.000.000
Số dư cuối năm	325.821.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	231.696.000
Khấu hao trong năm	25.375.007
Số dư cuối năm	257.071.007
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	39.125.000
Tại ngày cuối năm	68.749.993

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.230.856.000	34.447.945.497	15.804.991.361	54.483.792.858
Góp vốn	(4.230.856.000)	(7.729.510.390)	-	(11.960.366.390)
Số dư cuối năm	-	26.718.435.107	15.804.991.361	42.523.426.468
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	433.368.924	20.809.069.114	713.859.657	21.956.297.695
Khấu hao trong năm	-	1.574.620.648	101.507.838	1.676.128.486
Góp vốn	(433.368.924)	(2.690.702.363)	-	(3.124.071.287)
Số dư cuối năm	-	19.692.987.399	815.367.495	20.508.354.894
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.797.487.076	13.638.876.383	15.091.131.704	32.527.495.163
Tại ngày cuối năm	-	7.025.447.708	14.989.623.866	22.015.071.574

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	40.909.866.666	38.712.366.666
Đầu tư trái phiếu	337.500.000	337.500.000
Đầu tư dài hạn vào dự án	43.326.922.488	51.007.974.028
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	84.574.289.154	90.057.840.694
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(15.943.586.666)	(11.841.466.666)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	68.630.702.488	78.216.374.028

Đầu tư cổ phiếu tăng là do trong năm Công ty đầu tư thêm 99.750 cổ phiếu Công ty CP TMDV Lâu Đài Ven Sông, tương ứng 997.500.000 đồng, đầu tư vào Công ty CP DV Ôtô Bến Thành 1.200.000.000 đồng, tương ứng 120.000 cổ phiếu và nhận được 4.522 cổ phiếu thưởng của Công ty CP KT XD Phú Nhuận.

Đầu tư dài hạn vào dự án được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án đầu tư Trung tâm TM-DV và Căn hộ - TITCO PLAZA	1.950.000.000	1.450.000.000
Dự án Xuân Thới Đông Hóc Môn	39.544.429.768	30.034.049.568
Dự án Chung cư Khánh Hội 3	1.832.492.720	19.523.924.460
Tổng cộng	43.326.922.488	51.007.974.028

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.627.739.842	762.042.654
Tăng trong năm	1.560.714.629	1.378.878.405
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(927.209.759)	(513.181.217)
Số dư cuối năm	2.261.244.712	1.627.739.842

5.12. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	1.500.000.000	10.000.000.000
Vay đối tượng khác	-	500.000.000
Tổng cộng	1.500.000.000	10.500.000.000

Khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng sổ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (xem thêm mục 5.2) và chịu lãi suất 17%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	2.842.391.041	864.015.619
Người mua trả tiền trước	1.697.052.258	13.900.971.384
Tổng cộng	4.539.443.299	14.764.987.003

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	107.837.383	2.574.706.945
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.224.353.034	8.844.222.591
Thuế thu nhập cá nhân	84.856.636	61.754.856
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	566.769.964	622.292.425
Tổng cộng	1.983.817.017	12.102.976.817

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	546.721	26.541.143
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.062.212	16.487.602
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.922.000	5.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	83.757.881.824	62.716.031.087
Tổng cộng	83.887.412.757	62.764.559.832

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	7.726.588.894	4.211.992.961
Trích lập trong năm	3.342.068.595	5.704.959.103
Tặng khác	129.843.886	504.208.871
Sử dụng trong năm	(3.217.331.342)	(2.694.572.041)
Số dư cuối năm	7.981.170.033	7.726.588.894

5.17. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng	3.156.451.308	3.812.998.140
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	72.000.000	-
Tổng cộng	3.228.451.308	3.812.998.140

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	141.203.090.000	95.682.643.118	-	16.046.130.323	27.969.163.769	280.901.027.210
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	45.326.535.047	45.326.535.047
Tăng khác	-	-	-	-	1.745.615.174	1.745.615.174
Trích quỹ	-	-	-	11.885.331.465	(17.590.290.567)	(5.704.959.102)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.180.463.500)	(21.180.463.500)
Giảm khác	-	-	-	(573.544.371)	(6.116.953.834)	(6.690.498.205)
Số dư đầu năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	-	27.357.917.417	30.153.606.089	294.397.256.624
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(9.603.086.062)	-	-	(9.603.086.062)
Trích lập quỹ	-	-	-	9.169.592.270	(12.511.660.865)	(3.342.068.595)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.735.900.026	24.735.900.026
Giảm vốn	-	-	-	-	(296.097.438)	(296.097.438)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.288.748.000)	(27.288.748.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(35.000.000)	-	(35.000.000)
Số dư cuối năm	141.203.090.000	95.682.643.118	(9.603.086.062)	36.492.509.687	14.792.999.812	278.568.156.555

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phần Nhà Nước	35.282.870.000	35.282.870.000
Vốn góp của các đối tượng khác	105.920.220.000	105.920.220.000
Tổng cộng	141.203.090.000	141.203.090.000

5.18.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(951.870)	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	13.168.439	14.120.309
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.18.4. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi/(Lỗ) hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	24.735.900.026	45.326.535.047
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	13.617.657	14.120.309
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.816	3.210

5.18.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	30.153.606.089	27.969.163.769
Lợi nhuận sau thuế trong năm	24.735.900.026	45.326.535.047
Trích lập Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(9.169.592.270)	(11.885.331.465)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.342.068.595)	(5.704.959.102)
Chia cổ tức	(27.288.748.000)	(21.180.463.500)
Tăng khác	-	1.745.615.174
Giảm khác	(296.097.438)	(6.116.953.834)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	14.792.999.812	30.153.606.089

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.19. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	11.786.047.630	4.026.589.360
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất KD	(130.699.860)	-
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	7.440.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	677.830.822	319.458.270
Tăng khác	236.980.447	-
Phản trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(120.349.887)	-
Phản sử dụng quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(45.508.728)	-
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(44.822.785)	-
Số dư cuối năm	12.359.477.639	11.786.047.630

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	86.829.774.857	96.596.779.227
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	23.855.896.366	19.842.716.967
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	12.966.880.041	14.118.721.377
Hàng bán bị trả lại	(20.420.006.416)	(1.187.105.000)
Doanh thu thuần	103.232.544.848	129.371.112.571

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	61.473.172.243	44.868.569.411
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.732.897.460	3.571.348.024
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	12.912.344.401	13.840.162.587
Giá vốn hàng bán bị trả lại	(8.304.380.170)	-828.584.298
Tổng cộng	69.814.033.934	61.451.495.723

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.625.567.493	8.219.407.116
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.279.601.000	842.274.514
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	428.834.153
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	118.598.537	1.174.453
Lãi bán hàng trả chậm	185.298.293	987.386.286
Tổng cộng	9.209.065.323	10.479.076.522

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	166.290.275	204.705.711
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	512.160.454
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.508.390	26.510.096
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn/dài hạn	4.102.120.000	5.365.466.666
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.012.384	749.400.330
Tổng cộng	4.312.931.049	6.858.243.257

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	334.870.027	183.379.875
Chi phí vật liệu bao bì	5.463.100	345.984.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	990.115.896	202.454.133
Chi phí bằng tiền khác	67.982.846	33.562.262
Tổng cộng	1.398.431.869	765.380.304

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.593.436.415	4.851.875.390
Chi phí đồ dùng văn phòng	389.366.981	368.959.836
Chi phí khấu hao TSCĐ	577.783.361	425.101.245
Thuế, phí và lệ phí	316.830.214	348.970.208
Chi phí dự phòng	-	294.928.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.438.504.731	985.568.309
Chi phí bằng tiền khác	2.863.864.772	3.335.228.724
Tổng cộng	12.179.786.474	10.610.632.015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	570.000.000	19.247.873
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	357.259.131	2.783.992.320
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn	5.883.371.563	-
Thu nhập khác	4.678.831.592	4.014.908.371
Tổng cộng	11.489.462.286	6.818.148.564

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	198.286.416	1.719.745.944
Chi phí khác	4.119.992.593	3.630.598.896
Tổng cộng	4.318.279.009	5.350.344.840

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	6.700.634.930	15.973.685.117
Chi phí thuế thu nhập tạm nộp 2%	-	202.804.812
Chi phí thuế thu nhập bổ sung của các năm trước	-	2.717.751
Tổng cộng	6.700.634.930	16.179.207.680

6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Khấu hao TSCĐ	Hàng tồn kho	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.166.784.482	-	1.166.784.482
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm trước	(21.391.049)	215.025.528	193.634.479
Số dư đầu năm nay	1.145.393.433	215.025.528	1.360.418.961
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm nay	(20.758.914)	96.814.710	76.055.796
Số dư cuối năm	1.124.634.519	311.840.238	1.436.474.757

Tài sản TNDN hoãn lại và Thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	1.436.474.757	1.360.418.961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.451.520.588
Chi phí nhân công	15.571.638.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.438.470.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.298.393.896
Chi phí khác bằng tiền	5.726.475.344
Chi phí dự phòng	(3.839.116.035)
Tổng cộng	96.647.382.651

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh bất động sản (bán căn hộ chung cư, văn phòng, cho thuê mặt bằng chung cư)
- Sản xuất chế biến lâm sản
- Dịch vụ giáo dục mầm non
- Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng
- Dịch vụ môi giới bất động sản
- Mua bán vật liệu xây dựng
- Dịch vụ chung cư
- Hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: triệu đồng

	Kinh doanh bất động sản	Sản xuất chế biến lâm sản	Giáo dục mầm non	Tư vấn thiết kế xây dựng	Môi giới bất động sản	Mua bán vật liệu xây dựng	Dịch vụ chung cư	Khác	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	113.411	10.608	3.989	1.839	169	308	234	-	130.558
Tổng cộng	113.411	10.608	3.989	1.839	169	308	234	-	130.558
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	64.771	626	1.174	979	168	42	159	-	67.919
Chi phí bán hàng	(31)	(499)	-	-	(235)	-	-	-	(765)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(6.631)	(1.500)	(1.128)	(677)	(347)	(213)	(114)	-	(10.610)
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	-	-	-	10.479	10.479
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(6.858)	(6.858)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	6.818	6.818
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.350)	(5.350)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	58.109	(1.373)	46	302	(414)	(171)	45	5.089	61.633
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(16.179)
Thuế thu nhập hoãn lại									193
Lợi nhuận sau thuế									45.647
Lợi ích cổ đông thiểu số									(320)
Lợi nhuận thuần									45.327

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: triệu đồng

	<u>Kinh doanh bất động sản</u>	<u>Kinh doanh vật tư XD</u>	<u>Tư vấn thiết kế XD</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Khác</u>	<u>Môi giới bất động sản</u>	<u>Giáo dục mầm non</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	74.187	12.097	1.760	7.051	-	1.536	6.601	-	95.466
Giữa các bộ phận	2.184	1.105	1.635	2.067	-	776	-	(7.766)	-
Tổng cộng	76.371	13.202	3.395	9.118	-	2.312	6.601	(7.766)	103.233
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	24.648	(273)	(86)	1.584	(59)	187	1.315	(304)	27.011
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	24.648	(273)	(86)	1.584	(59)	187	1.315	(304)	27.011
Thu nhập tài chính	5.828	1.377	87	171	898	617	286	(55)	9.209
Chi phí tài chính	4.303	6	-	1	-	2	-	-	4.313
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.447	275	-	440	212	200	125	(76)	6.625
Lợi nhuận sau thuế	20.725	823	1	1.314	627	601	1.476	(283)	25.283
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	370	-	-	307	-	-	(131)	547
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20.725	453	-	1.314	320	601	1.476	(152)	24.736
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	20.725	453	-	1.314	320	601	1.476	(152)	24.736

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	<u>Kinh</u> <u>doanh</u> <u>bất động</u> <u>sản</u>	<u>Kinh</u> <u>doanh</u> <u>vật tư</u> <u>XD</u>	<u>Tư</u> <u>vấn</u> <u>thiết</u> <u>kế XD</u>	<u>Dịch</u> <u>vụ</u>	<u>Khác</u>	<u>Môi giới</u> <u>bất</u> <u>đồng</u> <u>sản</u>	<u>Giáo</u> <u>duc</u> <u>mầm</u> <u>non</u>	<u>Loại</u> <u>trừ</u>	<u>Tổng</u> <u>cộng</u>
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	379.676	11.551	11.860	3.564	6.957	6.706	17.581	(43.530)	394.365
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	379.676	11.551	11.860	3.564	6.957	6.706	17.581	(43.530)	394.365
Nợ phải trả của bộ phận	101.235	646	1.790	245	137	50	495	(1.160)	103.438
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	101.235	646	1.790	245	137	50	495	(1.160)	103.438
Chi phí mua sắm tài sản	85	25	96	209	-	44	215	(33)	641
Chi phí khấu hao	560	30	290	52	8	16	577	(59)	1.475

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	480.500.000	395.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	388.406.423	330.785.678
Thu nhập các nhân viên chủ chốt khác	919.385.423	611.808.357
Tổng cộng	1.788.291.846	1.337.594.035

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.541.499.336	32.668.833.687
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.570.757.582	79.240.418.166
Đầu tư ngắn hạn	18.510.000.000	25.000.000.000
Đầu tư dài hạn	68.630.702.488	78.216.374.028
Tổng cộng	171.252.959.406	215.125.625.881
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.500.000.000	10.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	89.953.646.173	67.398.544.846
Chi phí phải trả	69.750.000	3.039.255.000
Tổng cộng	91.523.396.173	80.937.799.846

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	77.617,50	2.116,60	71.303,55	70.378,20

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	86.725.194.865	3.228.451.308	89.953.646.173
Chi phí phải trả	69.750.000	-	69.750.000
Các khoản vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
31/12/2010			
Phải trả người bán và phải trả khác	63.585.546.706	3.812.998.140	67.398.544.846
Chi phí phải trả	3.039.255.000	-	3.039.255.000
Các khoản vay	10.500.000.000	-	10.500.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.570.757.582	-	49.570.757.582
Tài sản tài chính khác	53.051.499.336	68.630.702.488	121.682.201.824
31/12/2010			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.240.418.166	-	79.240.418.166
Tài sản tài chính khác	57.668.833.687	78.216.374.028	135.885.207.715

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 02 năm 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH



NGÔ VĂN LỘC